|  |  |
| --- | --- |
| TrườngTH&THCS Chiềng Ơn  Tổ: THCS | Họ và tên giáo viên: Đinh Ngọc Đích |

**ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

Môn học: Địa lý Lớp: 6B

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức**:

HS nắm vững và biết hệ thống hóa kiến thức đã học trong nửa học kì II:

Bài 17. Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu, Bài 19. Thuỷ quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước, Bài 20. Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà, Bài 21. Biển và đại dương, Bài 22. Lớp đất trên Trái Đất

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

-Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: sgk, phiếu học tập, quả địa cầu.

-Sách giáo khoa, vở ghi, bút dạ lông, thước kẻ..

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b) Nội dung:** Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV: HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập sau

**Câu 1: Lựa chọn đáp án đúng.**

**a) Nước trong thuỷ quyển ở dạng nào nhiều nhất?**

A. Nước mặn.

B. Nước ngọt.

C. Nước dưới đất.

D. Nước sông, hồ.

**b) Chiếm tỉ lệ lớn nhất trong nước ngọt trên Trái Đất là**

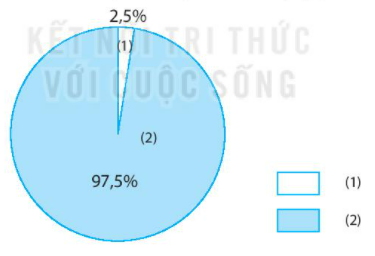
A. nước dưới đất.

B. băng.

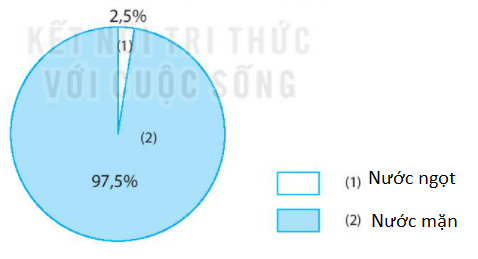
C. nước sông, hồ.

D. hơi nước trong khí quyển.

**Câu 2: Chú thích cho biểu đồ thể hiện thành phần của thuỷ quyển dưới đây:**



**Hướng dẫn giải:**



**Câu 3:** Nước ngầm được tạo nên bởi các nhân tố nào:

**A**. Nước mưa, nước sông, hồ…

**B**. Nước băng tuyết tan.

**C.** Chủ yếu là nước mưa.

**D**. Do nước biển và đại dương

**Câu 4**: Lượng nước ngầm nhiều hay ít, nông hay sâu phụ thuộc vào:

**A**. Địa hình, nguồn cung cấp nước, lượng bốc hơi

**B**. Chủ yếu do yếu tố địa hình.

**C.** Do nước mưa ngấm xuống đất.

**D**. Do lượng bốc hơi ít.

**Câu 5**: Ý nào ***không đúng*** với vai trò của nước ngầm:

**A.** Cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất

**B.** Góp phần ổn định dòng chảy của sông ngòi.

**C**. Cố định các lớp đất đá, ngăn chặn sự sụt lún

**D**. Góp phần điều hòa nhiệt độ.

**Câu 6:** Trên Trái Đất, băng hà chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm so với diện tích lục địa?

**A.** 10% **B**. 15% **C**. 20% **D.** 30%

**Câu 7:** Vai trò của băng hà là:

A. Cung cấp nước cho sinh hoạt của nhân dân.

**B.** Góp phần điều hòa khí hậu, cung cấp nước cho sông.

**C**. Cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

**D**. Cố định các lớp đất đá, ngăn chặn sự sụt lún.

**Câu 8:** Băng hà chiếm bao nhiêu % trữ lượng nước ngọt trên Trái Đất?

**A**. 50%. **B**. 60% **C.** 70% **D**. 80%

**Câu 9:** Diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông gọi là :

**A.** Lưu vực sông **B**. Sông chính**. C**. Chi lưu **D.** Phụ lưu

**Câu 10:** Một hệ thống sông bao gồm:

**A.** S ông chính, phụ lưu, chi lưu

**B**. Lưu vực sông, chi lưu,phụ lưu.

**C.** Sông chính, chi lưu, lưu vực sông.

**D.** Sông chính, phụ lưu, lưu vực sông.

**Câu 11:** Ý nào sau đây ***không đúng*** với lợi ích của sông, hồ.

**A.** Phát triển giao thông, du lịch, thủy điện.

**B.** Cung cấp nước cho sinh hoạt, tưới tiêu.

**C.** Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản.

**D.** Ngăn chặn sụ sụt lún của đất đá

**Câu 12**: Hồ Tây ở Hà Nội có nguồn gốc hình thành từ:

**A**. Miệng núi lửa

**B**. Từ một khúc uốn của Sông Hồng.

**C.** Con người tạo nên.

**D.** Do thiên nhiên ban tặng

**Câu 13**. Đại dương thế giới bao phủ khoảng bao nhiêu % diện tích bề mặt Trái Đất?

**A.** 30% **B.** 50% **C.** 70% **D.** 80%

**Câu 14**. Biển Đông là bộ phận của đại dương nào?

**A.** Đại Tây Dương. **B.**Thái Bình Dương. **C.** Ấn Độ Dương. **D.** Bắc Băng Dương.

**Câu 15.** Độ muối trung bình của nước biển là:

**A.** 25 ‰**B.** 30 ‰ **C.** 35 ‰ **D.** 40 ‰

**Câu 16.**Ý nào sau đây ***không đúng*** khi nói về nhiệt độ nước biển?

**A.** Nhiệt độ bề mặt nước biển thay đổi theo vĩ độ.

**B.** Nhiệt độ nước biển như nhau ở mọi tầng nước.

**C.** Nhiệt độ bề mặt nước biển thay đổi theo mùa.

**D.** Nhiệt độ nước biển thay đổi theo độ sâu.

**Câu 17.**Ở đới lạnh, độ muối của nước biển nhỏ chủ yếu do:

**A.** Băng tan.

**B.** Mưa nhiều.

**C.** Có nhiều sông chảy vào.

**D.** Độ bốc hơi lớn

**Câu 18.** Nguyên nhân chủ yếu nào sinh ra sóng biển?

**A.** Gió.

**B.** Động đất.

**C.** Sự thay đổi nhiệt độ ở các vùng biển.

**D.** Sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời cùng với lực li tâm của Trái Đất.

**Câu 19.** Hãy sử dụng những cụm từ sau để hoàn thành đoạn thông tin dưới đây:

Nhỏ nhất (triều kém) lực hút lớn nhất (triều cường)

Trăng khuyết quy luật hằng ngày lực li tâm

Thủy triều là hiện tượng nước biển dâng cao và hạ thấp theo (1)…………… Thủy triều hình thành do (2)…………………………… của Mặt trăng và Mặt trời cùng với (3)……………………. của Trái Đất. Mỗi tháng có hai lần triều lên, xuống (4)……………………………. là các ngày trăng tròn hoặc không trăng; đồng thời có hai lần triều lên, xuống nhỏ nhất (triều kém) là các ngày (5)………………………………….

**Hoạt động 3: Luyện tập.**

HS:sắp xếp lại vị trí các chương theo hệ thống đã học từ đầu năm cho khoa học, dễ nhìn